TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2- Bà Trần Thị Đúng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung -Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 345/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Rần Thị Thu S**; Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: ông **Nguyễn Chí T**, Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu S trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí T chung sống với nhau vào năm 2012 do chúng tôi tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi vả, ông T nhiều lần xúc phạm danh dự của bà. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có một con chung là trẻ Nguyễn Trần Thanh P (sinh ngày 30/3/2015). Tại phiên tòa, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Rần Thị Thu S, giao trẻ Nguyễn Trần Thanh P (sinh ngày 30/3/2015) cho bà S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Rần Thị Thu S và ông Nguyễn Chí T chung sống với nhau năm 2012, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà S yêu cầu ly hôn với ông T.

Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T. Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 quyển số 01/2012 đăng ký ngày 20/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà S và ông T là hợp pháp.

[2.2] Theo lời trình bày của bà S thì từ tháng 02 năm 2016 đến nay, bà và ông T sống ly thân với nhau. Bà S yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T vì hai bên không còn cơ hội hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ công văn số 466/UBND ngày 15/8/2017 Ủy ban nhân dân xã T cho biết ông T và bà S đều làm công nhân, hiện tại cả hai không còn chung sống với nhau, không rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn giữa bà S và ông T. Trẻ Nguyễn Trần Thanh P (sinh ngày 30/3/2015) đang ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng, bị đơn ông T vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà S, điều này cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn, không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Hiện nay trẻ Nguyễn Trần Thanh P (sinh ngày 30/3/2015) đang được bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ P. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận. Phần cấp dưỡng nuôi con bà S không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thu S với ông Nguyễn Chí T.

Bà Trần Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112 quyển số 01/2012 đăng ký ngày 20/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Trần Thanh P (sinh ngày 30/3/2015) cho bà Trần Thị Thu S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà S không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Nguyễn Chí T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0031729 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 12/11/2018.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2- Bà Trần Thị Đúng.

Đã nghị án về vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo hồ sơ thụ lý số 393/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018, nguyên đơn bà Rần Thị Thu S, bị đơn ông Nguyễn Chí T.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Rần Thị Thu S với ông Nguyễn Chí T.

Bà Rần Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112 quyển số 01/2012 đăng ký ngày 20/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Trần T Phong (sinh ngày 30/3/2015) cho bà Rần Thị Thu S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà S không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Nguyễn Chí T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0031729 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà S đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**